TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 - TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 08-7-2025
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Huỳnh Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Công Quyền

2. Bà Đỗ Thị Mỹ Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Thảo Quyên, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Ngô Trần Tuyết Trang, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 33/2025/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Cẩm L, sinh năm 1999, số CCCD: 072199000153; địa chỉ: Tổ I, ấp T, xã T, huyện T (nay là xã T), tỉnh Tây Ninh; có đơn xin vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Bùi Văn Ú, sinh năm 1988; địa chỉ: Số A, hẻm D đường N, ấp T, xã T, thị xã H (nay là phường L), tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21-02-2025 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Bùi Thị Cẩm L trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Ú tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2015, có đăng ký kết hôn vào năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã H (nay là phường L), tỉnh Tây Ninh. Sau khi cưới chung sống với gia đình bên chồng được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do không hòa hợp với gia đình bên chồng, từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vả,

nên chị và hai con đã về nhà cha mẹ ruột sống cho đến nay. Vợ chồng sống ly thân đã 08 năm nhưng anh Ú không đến gặp mặt để hàn gắn gia đình. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên nay chị L yêu cầu ly hôn với anh Ú.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Bùi Thị Cẩm N, sinh ngày 03-12-2015 và Bùi Thị Thanh V, sinh ngày 31-5-2017. Hiện con chung đang sống chung với chị, chị yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu anh Ú cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Bùi Văn Ú đã được Tòa án triệu tập hợp lệ mà vẫn cố tình vắng mặt nên không có văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh*:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L; cho ly hôn, giao 02 con chung cho chị L nuôi dưỡng, ghi nhận chị L không yêu cầu anh Ú cấp dưỡng nuôi con; chị L chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị L khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết về nuôi con chung với anh Ú; căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành (nay là Tòa án nhân dân khu vực 10), tỉnh Tây Ninh.

[1.2] Chị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị L là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ nhiều lần, đúng quy định của pháp luật nhưng anh Ú vắng mặt; do đó căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Ú. Anh Ú không thực hiện nghĩa vụ của đương sự quy định tại Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên phải chịu hậu quả của việc

không giao nộp đầy đủ chứng cứ bảo vệ quyền và lợi ích của mình theo quy định tại các Điều 91, 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân:

Chị L và anh Ú kết hôn trên cơ sở tự nguyện, năm 2017 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã H (nay là phường L), tỉnh Tây Ninh, đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Chị L yêu cầu ly hôn với anh Ú vì cho rằng vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn thời gian dài nhưng không hàn gắn được; đã sống ly thân 08 năm, không quan tâm, chăm sóc, không còn tình cảm với nhau. Anh Ú đã được Toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng cố tình vắng mặt; không thể hiện được thiện chí cũng như không có giải pháp để đoàn tụ gia đình.

Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị L, anh Ú không thể hàn gắn được; đã ly thân thời gian rất dài, mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm đến nhau, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình

[2.2] Về con chung: Chị L và anh Ú có 02 người con chung tên Bùi Thị Cẩm N, sinh ngày 03-12-2015 và Bùi Thị Thanh V, sinh ngày 31-5-2017.

Xét thấy, con chung sống cùng với chị L trong suốt thời gian vợ chồng ly thân từ năm 2017 cho đến nay, do đó để đảm bảo ổn định tốt cần tiếp tục giao con chung cho chị L trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; anh Ú được quyền thăm nom con chung, việc cấp dưỡng nuôi con chị L không yêu cầu nên ghi nhận.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L trình bày vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không đặt ra giải quyết.

[3] Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Tây Ninh là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị L phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Cẩm L đối với anh Bùi Văn Ú. Cho chị Bùi Thị Cẩm L ly hôn anh Bùi Văn Ú.

2. Về con chung:

Giao con chung Bùi Thị Cẩm N, sinh ngày 03-12-2015 và Bùi Thị Thanh V, sinh ngày 31-5-2017 cho chị Bùi Thị Cẩm L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; ghi nhận chị L không yêu cầu anh Ú cấp dưỡng nuôi con.

Anh Ú có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng là tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp theo biên lai thu số 0008295 ngày 27-02-2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10 - Tây Ninh); chị L đã nộp đủ án phí.

5. Đương sự có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 10 - Tây Ninh;
- Phòng THADS khu vực 10 - Tây Ninh;
- Đương sự;
- UBND phường Long Hoa, tỉnh Tây Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Huỳnh Châu